

Bản án số: 293/2019/DS-PT

Ngày 01 - 11 - 2019

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLPT- DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:224/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T - sinh năm 1956;
Nơi cư trú: huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Đ - sinh năm 1955;
Ông C – sinh năm 1950;
Nơi cư trú: huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Đ là bị đơn.

- *Người không kháng cáo:* Ông C là bị đơn; bà T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của bà T: Bà là chủ hui, vợ chồng ông C (ông C và bà Đ) là hui viên. Ngày 06/6/2011âl, bà T mở dây hui tháng, 31 phần (chung), mỗi phần 5.000.000đ, vợ chồng ông C tham gia 01 phần. Ngày 06/6/2012âl, vợ chồng ông C hốt hui, sau đó vợ chồng ông C góp hui (hui chết) được 08 lần, còn lại chưa góp

với số tiền 48.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông C có nghĩa vụ trả **48.000.000đ**.

Lời trình bày của ông C: Ông thừa nhận có tham gia 01 phần hui, hui tháng do bà T làm chủ. Ông đã hót hui và có góp hui (hui chết) lại cho bà T. Ông thừa nhận còn nợ nhưng ông chỉ nợ 07 lần chưa góp với số tiền 35.000.000 đồng.

Lời trình bày của bà Đ: Ông C có tham gia chơi 01 phần hui do bà T làm chủ, ông C hót hui và còn nợ bà T nhưng không biết bao nhiêu. Bà và ông C ly thân đã 04 năm nay nên bà không đồng ý cùng ông C trả nợ cho bà T.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 471 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông C và bà Đ có trách nhiệm trả bà T 48.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông C và bà Đ phải chịu 2.400.000 đồng.

Ngày 30/7/2019 bà Đ là bị đơn nộp đơn kháng cáo cho rằng án sơ thẩm xét xử vắng mặt bà là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà cùng có nghĩa vụ với ông C trả nợ bà Tiếng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 – Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 55/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đ là bị đơn trong vụ án; Đơn kháng cáo của bà Đ trong thời hạn luật định, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Bà Đ kháng cáo cho rằng: Phiên hòa giải, xét xử Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời không triệu tập bà tham gia, tiến hành xét xử vắng mặt bà là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 24/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời có giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Đ nhưng bà Đ từ chối nhận văn bản tố tụng (BL: 17). Ngày 17/5/2019 và ngày 06/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời ghi lời khai của bà Đ. Bà Đ cho rằng, bà Đ không nợ bà T, việc ông C nợ bà T không liên quan gì đến bà nên bà từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và đồng ý Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà (BL: 21, 32). Như vậy, bà Đ cho rằng Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời không triệu tập bà tham gia tố tụng và tiến hành xét xử vắng mặt bà là vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Bà Đ kháng cáo cho rằng, Bà không có nghĩa vụ cùng ông C trả nợ cho bà T với lý do: Bà và ông C là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn; Bà và ông C không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau đã hơn 04 năm nay; Ông C tham gia hội bà không biết; Bà không có sử dụng tiền hội của ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ cho rằng, bà và ông C không còn lo lắng chăm sóc gì đến nhau đã hơn 10 năm nay nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh. Trong khi lời khai ngày 06/6/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ thừa nhận tại thời điểm ông C hốt hội, bà Đ và ông C vẫn còn sống chung. Do ông C bận việc nên nhờ bà đến gặp bà T nhận tiền hội. Bà gặp bà T nhận tiền hội và bà trực tiếp ký tên vào biên nhận ngày 06/6/2012 với tư cách người nhận tiền hội (BL: 32). Như vậy, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ và ông C đang tồn tại. Bà Đ cho rằng bà không biết việc ông C tham gia chơi hội và hốt hội là không có căn cứ chấp nhận.

Bà Đ cho rằng, khoản tiền ông C hốt hội được bà không sử dụng vì thời điểm này mặc dù vợ chồng còn sống chung nhưng tiền ai người đó xài, không còn liên quan gì đến tiền bạc nên bà không có nghĩa vụ cùng ông C trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Đ cho rằng bà và ông C đã phân chia tài sản, không còn quyền và nghĩa vụ tài sản với nhau nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong khi chính bà là người nhận tiền hội, chính bà là người ký biên nhận nhận nợ, khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Do đó, án sơ thẩm buộc bà Đ có nghĩa vụ cùng ông C trả nợ hội mà ông C tham gia ngày 06/6/2011 là có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ.

Tại phiên tòa ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của bà Đ không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 471, Điều 468 - Bộ luật dân sự; Khoản 1 và 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đ; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; Buộc ông C và bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Tiếng 48.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 48.000.000 đồng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Đ phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí dân sự có giá ngạch: Ông C và bà Đ phải chịu 2.400.000 đồng.

- Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại bà T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0002879 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miến